

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TÀI CHÍNH

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH



VƯƠNG THỊ THU HIỀN

**HOÀN THIỆN HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH THUẾ Ở VIỆT NAM
TRONG ĐIỀU KIỆN GIA NHẬP WTO**

Chuyên ngành : Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng

Mã số : 5.02.09

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI – 2008

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI
HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS. TS. Bạch Thị Minh Huyền

2. PGS. TS. Lê Huy Trọng

Phản biện 1: PGS.TS Nguyễn Thị Bội

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Phản biện 2: PGS.TS Sử Đình Thành

Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

Phản biện 3: PGS.TS Đỗ Đức Minh

Viện Khoa học Tài chính

Luận án được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước,
họp tại Học viện Tài chính

Vào hồi: 8 giờ 30' ngày 31 tháng 05 năm 2008

Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Quốc gia

Hoặc thư viện Học viện Tài chính

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Cải cách hệ thống thuế là một trong những vấn đề có ý nghĩa quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế ở mỗi quốc gia. Đối với các nước đang phát triển, với mục tiêu hoà nhập với nền kinh tế quốc tế thì chính sách thuế càng đóng vai trò đặc biệt nhạy cảm. Theo đó, thuế không những là nguồn thu chủ yếu của NSNN, huy động nguồn thu một cách công bằng và giảm thiểu những tác động tiêu cực đến các hoạt động kinh tế mà hệ thống chính sách thuế còn đảm bảo không sai lệch cơ bản so với tiêu chuẩn quốc tế.

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, phạm vi ảnh hưởng của chính sách thuế không chỉ bó hẹp trong một quốc gia mà còn mở rộng ra phạm vi các nước khác. Mặt khác, khi gia nhập WTO đòi hỏi các quốc gia thành viên phải tuân thủ theo đúng những nguyên tắc thương mại của WTO và do vậy hệ thống chính sách thuế cũng cần phải có sự thay đổi cả về nội dung cũng như mục tiêu và cơ cấu động viên số thu cho phù hợp với điều kiện hội nhập. Trong bối cảnh đó, các quốc gia thành viên tham gia vào các tổ chức và các sân chơi chung đều phải có các chiến lược điều chỉnh hệ thống chính sách thuế của mình để thích ứng với môi trường trong và ngoài nước nhằm khai thác tối đa các lợi ích có được từ việc hội nhập kinh tế và tự do hoá thương mại, giảm các tác động bất lợi (có thể) của việc gia nhập WTO, đồng thời đảm bảo sự phát triển bền vững.

Hơn nữa, thực tiễn sinh động luôn luôn biến đổi đã làm nảy sinh những nhu cầu mới về mục tiêu, bước đi, cách thức cũng như những giải pháp khả thi để không ngừng hoàn thiện hệ thống chính sách thuế đang trên bước đường cải cách ở nước ta.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề, ở Việt Nam, trong quá trình nghiên cứu, xây dựng, bổ sung và hoàn thiện hệ thống chính sách thuế cũng đã có một số đề tài nghiên cứu hoàn thiện hệ thống thuế, kể cả đề tài nghiên cứu khoa học của nhà nước và đề tài nghiên cứu của các luận án tiến sỹ. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu trên được thực hiện trong

điều kiện Việt Nam mới bước đầu hội nhập kinh tế quốc tế và chưa là thành viên chính thức của WTO, do đó nhiều vấn đề có liên quan đến việc hoàn thiện hệ thống chính sách thuế ở Việt Nam cả về lý luận và thực tiễn chưa được giải quyết. Trong thời gian gần đây, một số luận án tiến sỹ đã và đang nghiên cứu về thuế nhưng chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu hoàn thiện một loại thuế trong hệ thống chính sách thuế như thuế tiêu dùng; thuế thu nhập; thuế tài sản. Trên thực tế, việc hoàn thiện hệ thống chính sách thuế không thể thực hiện được bằng cách lắp ghép cơ học các nghiên cứu này vì lý thuyết hệ thống đòi hỏi việc nghiên cứu phải được đặt trong một tổng thể với mối quan hệ hữu cơ của các nhân tố hợp thành.

Xuất phát từ những lý do trên, tác giả đã chọn đề tài ***“Hoàn thiện hệ thống chính sách thuế ở Việt Nam trong điều kiện gia nhập WTO”*** làm đề tài luận án tiến sỹ của mình.

2. Mục đích nghiên cứu của luận án

Nghiên cứu các nguyên tắc thương mại của WTO và những vấn đề đặt ra đối với hệ thống chính sách thuế của các nước đang phát triển. Nghiên cứu kinh nghiệm cải cách hệ thống chính sách thuế ở các nước đang phát triển và nước có nền kinh tế chuyển đổi. Trên cơ sở đó tham chiếu và đánh giá thực trạng hệ thống chính sách thuế hiện hành của Việt Nam trong điều kiện gia nhập WTO. Đồng thời, xác lập cơ sở lý luận và thực tiễn để đề ra các giải pháp hoàn thiện hệ thống chính sách thuế ở nước ta trong điều kiện gia nhập WTO.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

Đối tượng nghiên cứu của luận án là hệ thống chính sách thuế.

Phạm vi nghiên cứu của luận án tập trung chủ yếu vào khía cạnh hệ thống các chính sách thuế nhằm làm rõ các vấn đề: các nguyên tắc thương mại của WTO và những vấn đề đặt ra đối với hệ thống chính sách thuế của các nước đang phát triển, đánh giá thực trạng hệ thống chính sách thuế hiện hành của Việt Nam đặt trong khuôn khổ là thành viên của WTO và những giải pháp cần thiết cho việc hoàn thiện hệ thống chính sách thuế ở Việt Nam khi gia nhập WTO.

4. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu

Ý nghĩa khoa học:

Trên cơ sở nghiên cứu các nguyên tắc thương mại của WTO để phân tích những vấn đề đặt ra đối với hệ thống chính sách thuế của các nước đang phát triển. Đây là các vấn đề có tính nguyên lý của việc thiết kế và xây dựng một hệ thống chính sách thuế hoàn chỉnh đối với các nước thành viên của WTO, đặc biệt là các nước đang phát triển.

Bên cạnh đó, qua việc nghiên cứu những kinh nghiệm của các nước đang phát triển và nước có nền kinh tế chuyển đổi trong việc điều chỉnh hệ thống chính sách thuế khi gia nhập WTO để tìm ra những bài học đối với các nước, trong đó có Việt Nam. Đây vừa là cơ sở lý luận, vừa là cơ sở thực tiễn sinh động cho việc phân tích và hoàn thiện hệ thống chính sách thuế ở các nước thành viên đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng.

Ý nghĩa thực tiễn:

Luận án có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cao trong điều kiện Việt Nam gia nhập WTO. Với những định hướng hoàn thiện hệ thống chính sách thuế, luận án sẽ góp phần vào việc hoàn thiện hệ thống chính sách thuế ở nước ta nhằm hướng tới mục tiêu cải cách và hội nhập kinh tế theo đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước giai đoạn đầu thế kỷ 21.

5. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung của luận án gồm 3 chương

Chương 1

CÁC NGUYÊN TẮC THƯƠNG MẠI CỦA WTO VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH THUẾ Ở CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN

1.1 WTO VÀ CÁC NGUYÊN TẮC THƯƠNG MẠI CỦA WTO

WTO là tên viết tắt tiếng Anh của Tổ chức Thương mại Thế giới. WTO được chính thức thành lập từ ngày 01/01/1995 theo Hiệp định thành lập Tổ chức Thương mại Thế giới ký tại Marrakesh (Ma-rốc) ngày 15/ 4/ 1994.

Tổ chức Thương mại thế giới là tổ chức quản lý các Hiệp định thương mại được đàm phán giữa các quốc gia thành viên, đặc biệt là Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại (GATT), Hiệp định chung về Thương mại Dịch vụ (GATS) và Hiệp định về quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại (TRIPS). WTO được xây dựng trên nền tảng cơ cấu tổ chức đã được phát triển với sự bảo trợ của GATT vào đầu những năm 1990.

Tổ chức Thương mại Thế giới là một tổ chức quốc tế duy nhất đưa ra được các qui tắc về thương mại giữa các quốc gia. WTO là một tổ chức để thảo luận, đàm phán và giải quyết những vấn đề thương mại bao gồm các lĩnh vực về hàng hoá, dịch vụ và sở hữu trí tuệ. Chức năng cơ bản của WTO là *quản lý và thực hiện các hiệp định đa phương và hiệp định nhiều bên, là diễn đàn cho các cuộc đàm phán thương mại đa phương, giải quyết tranh chấp thương mại, giám sát chính sách thương mại quốc gia và hợp tác với các tổ chức quốc tế khác liên quan đến hoạch định chính sách kinh tế toàn cầu.*

Hiệp định WTO bao gồm 29 văn bản pháp lý riêng biệt, bao trùm mọi lĩnh vực từ nông nghiệp đến ngành dệt may, từ dịch vụ đến việc mua sắm của chính phủ, các qui tắc về xuất xứ và sở hữu trí tuệ. Ngoài ra còn có 25 tuyên bố bổ sung, quyết định và văn bản ghi nhớ ở cấp Bộ trưởng, qui định những nghĩa vụ và cam kết khác của các thành viên WTO. Đặc biệt là một số nguyên tắc cơ bản và đơn giản xuyên suốt nội dung các văn bản này. Tất cả tạo nên hệ thống thương mại đa biên. Toát lên từ Hiệp định WTO và các Hiệp định thỏa thuận khác là 5 nguyên tắc pháp lý nền tảng. Các nguyên tắc này đóng vai trò quyết định trong việc duy trì hoạt động

thương mại quốc tế thuận lợi, rõ ràng, hiệu quả, cũng như tạo ra sự công bằng trong giao lưu thương mại quốc tế, đảm bảo quyền bình đẳng giữa nước giàu và nước nghèo, giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển và chậm phát triển. Đồng thời các nguyên tắc này cũng là căn cứ pháp lý quan trọng để WTO giải quyết tranh chấp giữa các nước thành viên.

Các nguyên tắc thương mại của WTO bao gồm:

- Nguyên tắc không phân biệt đối xử.
- Nguyên tắc trao đổi đặc quyền (hai bên cùng có lợi).
- Nguyên tắc tự do hoá và các ràng buộc cắt giảm về thuế quan.
- Nguyên tắc công khai, minh bạch.
- Nguyên tắc tự vệ.

1.2 NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH THUẾ CỦA CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN KHI GIA NHẬP WTO

Chính sách thương mại hiệu quả là trọng tâm để các nước tiến tới hội nhập với hệ thống kinh tế quốc tế và có được sự tăng trưởng do hội nhập mang lại. Trong đó, chính sách thuế là tâm điểm của chính sách thương mại trong hệ thống thị trường. Mặc dù thương mại quốc tế nói chung đưa lại những lợi ích to lớn, nhưng với nhiều lý do khác nhau, mỗi quốc gia có chủ quyền đều có hệ thống chính sách thuế riêng, thể hiện ý chí và mục tiêu của mình trong việc can thiệp và điều chỉnh các hoạt động thương mại quốc tế có liên quan đến nền kinh tế quốc gia. Do sự phát triển không đồng đều giữa các quốc gia, do môi trường kinh tế quốc tế còn chịu sự chi phối của nhiều mối quan hệ chính trị và các mục tiêu phi kinh tế khác, cho nên chính sách thuế của mỗi quốc gia cũng phải đáp ứng cho nhiều mục tiêu khác nhau. Nhiệm vụ của chính sách thuế ở mỗi quốc gia có thể thay đổi qua mỗi thời kỳ, nhưng đều có mục tiêu chung là điều chỉnh các hoạt động thương mại quốc tế theo chiều hướng có lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Khi gia nhập WTO, chính sách thuế của mỗi quốc gia còn có thể ảnh hưởng đến nhiều quốc gia khác, bởi vậy nó chịu sự chi phối bởi các nguyên tắc thương mại của WTO. Những vấn đề chủ yếu đặt ra đối với hệ thống chính sách thuế của các nước thành viên, đặc biệt là các nước

đang phát triển khi gia nhập WTO là:

Thứ nhất, hệ thống chính sách thuế phải đảm bảo thực hiện đúng các cam kết và thông lệ quốc tế, đồng thời vẫn đảm bảo được tính đặc thù ở từng nước

Thứ hai, hệ thống chính sách thuế phải hướng tới mục tiêu đảm bảo sự ổn định nguồn thu ngân sách

Thứ ba, hệ thống chính sách thuế phải đảm bảo sự an toàn và ổn định thị trường trong nước

Thứ tư, củng cố chính sách thuế và những thể chế trong nước để tham gia vào thương mại quốc tế về hàng hoá và dịch vụ

Thứ năm, sự vận động tự do của vốn tư bản đã đặt hệ thống chính sách thuế của các nước theo trào lưu chung ngày càng gia tăng sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế và phải có sự cạnh tranh cao

Thứ sáu, chuyển giá quốc tế đã trở thành một trong những vấn đề then chốt có liên quan đến thuế mà Chính phủ các nước phải đối mặt với các công ty đa quốc gia

1.3 KINH NGHIỆM CẢI CÁCH HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH THUẾ CỦA MỘT SỐ NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN VÀ NƯỚC CÓ NỀN KINH TẾ CHUYỂN ĐỔI KHI GIA NHẬP WTO

Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm cải cách hệ thống chính sách thuế ở các nước đang phát triển và nước có nền kinh tế chuyển đổi khi gia nhập WTO, luận án đã chỉ ra 6 xu hướng chủ yếu ở các nước là:

Một là, thực hiện cắt giảm hàng rào thuế quan

Hai là, đề cao vai trò của các loại thuế nội địa, đặc biệt là thuế tiêu dùng để bù đắp sự suy giảm nguồn thu từ thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế

Ba là, cải cách chính sách thuế thu nhập cho phù hợp với bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và tìm mọi giải pháp hữu hiệu để nâng tỷ trọng nguồn thu từ thuế thu nhập cá nhân

Bốn là, nhấn mạnh mục tiêu trung lập kinh tế và tăng nguồn thu hơn là mục tiêu tái phân phối thu nhập và đảm bảo tính lũy tiến của hệ thống thuế.

Năm là, cải cách thuế tiếp tục hướng vào mục tiêu thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế và đảm bảo tính hiệu quả

Sáu là, xây dựng cơ sở pháp lý nói chung và chính sách thuế nói riêng phù hợp với qui định của WTO để bảo hộ nền sản xuất trong nước một cách hợp lý.

Những xu hướng này được minh họa sinh động thông qua các tài liệu tham khảo từ nhiều nước trên thế giới. Đây là cơ sở tham chiếu quan trọng trong việc đánh giá cải cách hệ thống chính sách thuế của các nước, trong đó có Việt Nam.

Chương 2

THỰC TRẠNG HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH THUẾ HIỆN HÀNH CỦA VIỆT NAM TRONG ĐIỀU KIỆN GIA NHẬP WTO

2.1 TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH THUẾ HIỆN HÀNH Ở VIỆT NAM

Luận án đã khái quát những nội dung cơ bản của các sắc thuế trong hệ thống thuế hiện hành ở Việt Nam như: Thuế giá trị gia tăng; Thuế tiêu thụ đặc biệt; Thuế xuất khẩu, nhập khẩu; Thuế thu nhập doanh nghiệp; Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao; Thuế nhà đất; Thuế sử dụng đất nông nghiệp; Thuế chuyển quyền sử dụng đất; Thuế nhà, đất; và thuế tài nguyên. Đây là cơ sở quan trọng để luận án đánh giá thực trạng hệ thống chính sách thuế hiện hành ở Việt Nam trong điều kiện gia nhập WTO.

2.2 ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH THUẾ HIỆN HÀNH CỦA VIỆT NAM TRONG ĐIỀU KIỆN GIA NHẬP WTO

Lộ trình đàm phán gia nhập WTO của Việt Nam cũng đồng thời là quá trình cải cách mạnh mẽ hệ thống chính sách thuế phục vụ cho hội nhập kinh tế quốc tế và bảo vệ lợi ích đất nước trong điều kiện mới. Theo đó, tác động của hội nhập đã không ngừng thúc đẩy những cải cách trong mọi khía cạnh của nền kinh tế, trong đó có cải cách hệ thống chính sách thuế. Tiến trình cải cách hệ thống thuế ở Việt Nam cùng với lộ trình gia nhập WTO

đã đạt được những thành tựu bước đầu đáng ghi nhận.

1. Hệ thống chính sách thuế ở Việt Nam đã góp phần đảm bảo động viên nguồn thu chủ yếu cho NSNN, đáp ứng nhu cầu chi ngày càng tăng để phát triển kinh tế và phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước

2. Hệ thống chính sách thuế đang dần được vận hành theo hướng minh bạch và phù hợp với thông lệ quốc tế

3. Hệ thống chính sách thuế đã tạo môi trường kinh doanh công bằng và bình đẳng, khuyến khích đầu tư phát triển kinh tế, thực hiện nguyên tắc Không phân biệt đối xử của WTO

4. Hệ thống chính sách thuế từng bước thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, thực hiện tự do hoá thương mại

5. Hệ thống chính sách thuế đã góp phần đảm bảo sự an toàn và ổn định thị trường trong nước

6. Hệ thống chính sách thuế góp phần tái phân phối thu nhập, đảm bảo công bằng xã hội

Hệ thống chính sách thuế hiện hành đã có những cải cách đáng kể, từng bước đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp với thông lệ quốc tế và tiếp tục tạo lập nguồn thu ngày càng tăng cho NSNN. Tuy nhiên, so với yêu cầu cải cách chính sách thuế và bối cảnh kinh tế - xã hội đặt ra trong điều kiện Việt Nam gia nhập WTO thì hệ thống chính sách thuế hiện hành vẫn còn bộc lộ những hạn chế cần được hoàn thiện cho phù hợp với tình hình mới. Những nhược điểm cơ bản có thể được nhìn nhận trên một số khía cạnh sau:

Thứ nhất, cơ cấu thu NSNN còn bất hợp lý

Nếu xét về nguồn thu, hệ thống thuế Việt Nam vẫn chủ yếu dựa vào 4 loại thuế chính là thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, nhập khẩu, và thuế thu nhập doanh nghiệp. Trước mắt nguồn thu từ thuế xuất khẩu, nhập khẩu sẽ giảm đáng kể bởi yêu cầu của hội nhập.

Vì vậy, trong điều kiện Việt Nam gia nhập WTO và thực hiện chương trình cắt giảm thuế quan, sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến nguồn thu NSNN, tạo ra sự bất ổn định trong cơ cấu hệ thống thuế. Hơn nữa, cơ cấu số thu

của hệ thống thuế Việt Nam vẫn chưa đảm bảo tính cân đối phù hợp với trào lưu chung của các nước trên thế giới. Tỷ lệ số thu thuế thu nhập cá nhân của Việt Nam còn thấp hơn nhiều so với mức trung bình của các nước đang phát triển, kể cả các nước đang phát triển có thu nhập thấp cùng loại; trong khi đó tỷ trọng số thu thuế thu nhập doanh nghiệp đang ở mức rất cao; tỷ trọng của thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các loại thuế khác (thuế tài nguyên, thuế sử dụng đất nông nghiệp, phí xăng dầu, phí, lệ phí khác...) cũng còn khá cao. Nói cách khác, gánh nặng thuế đối với các doanh nghiệp còn khá lớn, điều này làm giảm khả năng cạnh tranh của hệ thống chính sách thuế Việt Nam so với các nước.

Thứ hai, hệ thống chính sách thuế còn nhiều điểm chưa phù hợp với các qui định của WTO cũng như thông lệ quốc tế hoặc còn có những khoảng cách với những nguyên tắc hoạt động trên thương trường toàn cầu hay khu vực. Điều này sẽ gây khó khăn cho quá trình hội nhập kinh tế của Việt Nam cũng như ảnh hưởng đến chính sách thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Thứ ba, hệ thống chính sách thuế còn một số qui định chưa đáp ứng được nguyên tắc của WTO. Vì vậy, khi Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của WTO thì đòi hỏi mọi chính sách thương mại nói chung và chính sách thuế nói riêng phải đảm bảo phù hợp với các nguyên tắc của WTO. Nếu không nhanh chóng điều chỉnh thì sẽ tạo thành những vật cản cản trở tiến trình hội nhập kinh tế Việt Nam với kinh tế khu vực và thế giới.

Thứ tư, hệ thống chính sách thuế còn chưa đảm bảo tính đồng bộ, tính logic hệ thống cũng như tính hiệu quả trong điều kiện Việt Nam gia nhập WTO.

Thứ năm, hệ thống chính sách thuế còn phức tạp và thiếu tính ổn định.

Những khía cạnh khiếm khuyết nêu trên đã được luận án lược tả một cách chi tiết trong nội dung của từng sắc thuế trong hệ thống chính sách thuế hiện hành ở Việt Nam. Trên cơ sở những nhược điểm đó, luận án đã khẳng định rằng xét trong điều kiện Việt Nam gia nhập WTO, những nhược điểm của hệ thống thuế hiện hành ở nước ta là khá cơ bản, cần phải có những định hướng tiếp tục hoàn thiện.

Chương 3**HOÀN THIỆN HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH THUẾ Ở VIỆT NAM
TRONG ĐIỀU KIỆN GIA NHẬP WTO****3.1 BỐI CẢNH KINH TẾ QUỐC TẾ, VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN
TỚI VÀ NHỮNG YÊU CẦU ĐỐI VỚI HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH THUẾ
VIỆT NAM KHI GIA NHẬP WTO**

Theo nhận định của các nhà kinh tế, trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI, sự phát triển của xã hội loài người sẽ được đặc trưng nổi bật bởi các hoạt động kinh tế toàn cầu. Xu hướng toàn cầu hoá và sự hình thành nền kinh tế tri thức ngày càng trở nên rõ nét làm thay đổi cơ bản các quan niệm kinh tế, phương thức làm việc và quản lý truyền thống. Do hội nhập kinh tế sẽ diễn ra mạnh mẽ cả về bề rộng lẫn bề sâu, cuộc cạnh tranh trên thị trường thế giới và nội địa sẽ trở lên gay gắt, đặc biệt khi Việt Nam phải thực hiện các cam kết quốc tế khu vực và thế giới về mở cửa thị trường.

Trong thời gian vừa qua, mặc dù hệ thống chính sách thuế ở Việt Nam đã được rà soát, sửa đổi và bổ sung để đảm bảo tuân thủ đúng các nguyên tắc của WTO và yêu cầu thực hiện các cam kết với các đối tác trong quá trình hội nhập kinh tế. Tuy nhiên, hội nhập kinh tế quốc tế và gia nhập WTO, bên cạnh việc đem lại những lợi ích to lớn cho nền kinh tế như mở rộng thị trường xuất khẩu, thu hút đầu tư, giảm chi phí do giá nhập khẩu giảm... cũng tạo ra những thách thức lớn đối với nền kinh tế. Vì vậy, để đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững trong quá trình hội nhập thì chính sách thuế ở Việt Nam cần phải đảm bảo một số yêu cầu cơ bản mang tính nguyên tắc đó là:

- Hệ thống chính sách thuế ở Việt Nam phải thực hiện theo đúng các cam kết về thuế trong các Hiệp định với các đối tác thành viên của WTO cũng như trong các Hiệp định song phương và đa phương.

- Hệ thống chính sách thuế phải góp phần đảm bảo sự ổn định nguồn thu của NSNN

- Hệ thống chính sách thuế phải phù hợp với đặc thù nền kinh tế ở

Việt Nam

- Hệ thống chính sách thuế phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc căn bản của thương mại quốc tế

- Hệ thống chính sách thuế phải có sự cạnh tranh cao, nhưng đồng thời vẫn góp phần bảo đảm sự an toàn và ổn định của thị trường trong nước

- Hệ thống chính sách thuế phải phù hợp với năng lực hành chính và đạo đức của người nộp thuế

- Hệ thống chính sách thuế phải đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất với các chính sách kinh tế, tài chính khác trong bối cảnh hội nhập

- Việc hoàn thiện hệ thống chính sách thuế cần được xem xét trong mối quan hệ tổng thể về các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội.

3.2 ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH THUẾ Ở VIỆT NAM TRONG ĐIỀU KIỆN GIA NHẬP WTO

Trên cơ sở những yêu cầu đặt ra đối với hệ thống thuế ở Việt nam trong điều kiện gia nhập WTO, hệ thống chính sách thuế hiện hành cần phải được hoàn thiện nhằm hướng tới xây dựng hệ thống chính sách thuế minh bạch, công bằng, hiệu quả, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của Việt nam và thông lệ quốc tế. Theo đó, phương hướng cơ bản trong cải cách hệ thống chính sách thuế là:

Thứ nhất, triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình cải cách hệ thống thuế đến năm 2010 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt với mục tiêu xây dựng một hệ thống chính sách thuế đồng bộ, công bằng, hiệu quả, minh bạch và công khai kết hợp với hiện đại hoá công tác quản lý thuế nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển, đảm bảo nguồn lực tài chính lâu dài và bền vững, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế. Trong đó các nội dung mang tính nguyên tắc là:

- Mở rộng cơ sở chịu thuế trên cơ sở qui định bao quát về đối tượng chịu thuế và đối tượng nộp thuế, từng bước thu hẹp phạm vi các đối tượng ưu đãi, miễn, giảm, không chịu thuế, tách chính sách xã hội ra khỏi chính sách thuế.

- Giảm số lượng và mức thuế suất của một số loại thuế nhằm đảm bảo

mức động viên hợp lý vào NSNN theo hướng thu trên diện rộng nhưng giảm gánh nặng thuế để tăng cường tính công bằng và hiệu quả của thuế nhằm khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh.

Thứ hai, nghiên cứu xem xét và cải cách hệ thống chính sách thuế theo hướng đảm bảo nguồn thu ổn định lâu dài cho ngân sách, tăng cường phát huy vai trò khuyến khích và điều tiết của thuế đối với nền sản xuất- xã hội.

Thứ ba, xem xét mục tiêu ổn định cơ cấu hệ thống chính sách thuế và có sự kết hợp hài hoà giữa các sắc thuế trong tổng thể hệ thống chính sách thuế, tăng cường vai trò của thuế thu nhập cá nhân và thuế tài sản để đảm bảo cấu trúc hệ thống chính sách thuế ổn định với ba loại thuế chủ yếu: thuế đánh trên hàng hoá dịch vụ; thuế thu nhập và thuế tài sản; trong đó cần tăng cường vai trò và từng bước phân định các loại thuế tài sản (thuế sử dụng đất, thuế bất động sản, thuế thừa kế...) trở thành thuế địa phương để đảm bảo nguồn thu ổn định lâu dài và minh bạch cho chính quyền địa phương.

Trên cơ sở những định hướng chung trong việc hoàn thiện hệ thống các sắc thuế trong tổng thể hệ thống thuế ở Việt nam, luận án đã đưa ra những định hướng cụ thể cho việc hoàn thiện từng sắc thuế trong hệ thống chính sách thuế.

Thứ nhất, định hướng hoàn thiện thuế tiêu dùng

Định hướng chung là củng cố và hoàn thiện các sắc thuế tiêu dùng nhằm tạo ra một hệ thống các sắc thuế có mối quan hệ gắn bó mật thiết, làm nền tảng cho nhau, bổ sung cho nhau, đảm bảo nguồn thu ổn định cho NSNN, đồng thời đáp ứng yêu cầu đơn giản, hiệu quả, năng suất và thuận tiện trong công tác quản lý, đặc biệt là chú trọng đến vai trò huy động nguồn thu chủ yếu cho NSNN.

(i) Đối với chính sách thuế GTGT:

- Mở rộng phạm vi áp dụng thuế giá trị gia tăng thông qua việc giảm danh mục nhóm hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế, đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện kinh tế- xã hội của Việt Nam.

- Cần qui định rõ ràng và đảm bảo tính minh bạch về các trường hợp áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng cụ thể, tiến tới áp dụng cơ chế một

mức thuế suất thuế giá trị gia tăng để đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Qui định ngưỡng miễn thuế giá trị gia tăng dựa trên doanh thu thay cho ngưỡng miễn thuế tính theo thu nhập tối thiểu hiện hành.

- Nghiên cứu hoàn thiện phương pháp tính thuế giá trị gia tăng theo hướng chỉ áp dụng phương pháp khấu trừ thuế.

- Xây dựng các tiêu chuẩn rõ ràng về điều kiện hoàn thuế, đơn giản hoá qui trình thủ tục và cải tiến phương pháp hoàn thuế để đảm bảo tính kịp thời và chính xác.

(ii) Đối với chính sách thuế tiêu thụ đặc biệt:

Chính sách thuế tiêu thụ đặc biệt cần được cải cách phù hợp với yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế về loại trừ những phân biệt đối xử đối với bia, rượu, thuốc lá và ô tô. Phạm vi áp dụng cũng cần mở rộng, góp phần tăng thu cho NSNN, đồng thời đảm bảo việc quản lý, điều tiết, hướng dẫn sản xuất, tiêu dùng hàng cao cấp, xa xỉ như rượu, bia, thuốc lá, dịch vụ kinh doanh casino, đua ngựa, sân golf.... Về thuế suất, cần nghiên cứu, áp dụng thuế suất hợp lý đối với các mặt hàng nhằm mục tiêu điều tiết, định hướng sản xuất, tiêu dùng; đảm bảo nguồn thu cho NSNN và phù hợp với lộ trình cắt giảm thuế nhập khẩu. Việc nghiên cứu, áp dụng thuế tuyệt đối cũng là những đòi hỏi cấp thiết để đảm bảo tính đơn giản và hữu hiệu trong việc chống gian lận thương mại và trốn thuế. Xóa bỏ miễn, giảm thuế tiêu thụ đặc biệt để đảm bảo sự công bằng, bình đẳng về nghĩa vụ thuế và nguyên tắc không phân biệt đối xử giữa hàng sản xuất trong nước và hàng nhập khẩu.

(iii) Đối với thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu:

- Cần tiếp tục đẩy nhanh quá trình xây dựng và hoàn thiện môi trường pháp lý cũng như các điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật và con người để áp dụng có hiệu quả và chính xác giá tính thuế nhập khẩu theo Trị giá Hải quan GATT/ WTO cho các hàng hoá nhập khẩu từ tất cả các thị trường quốc tế.

- Điều chỉnh Biểu thuế suất thuế xuất khẩu cho phù hợp với bối cảnh kinh tế trong nước và quốc tế, tiến dần đến loại bỏ hoàn toàn thuế xuất khẩu.

- Xây dựng biểu thuế nhập khẩu phù hợp với định hướng bảo hộ có

chọn lọc đối với các ngành kinh tế trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, góp phần tăng cường hoạt động quản lý xuất khẩu, nhập khẩu, chống lại các biện pháp trợ giá, bán phá giá hàng nhập khẩu vào Việt nam và phân biệt đối xử với hàng hóa xuất khẩu của Việt nam ra thị trường thế giới.

- Thận trọng trong việc vận dụng các cam kết hội nhập để điều chỉnh mức thuế suất thuế nhập khẩu, vừa góp phần ổn định nguồn thu cho NSNN, tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế, đồng thời hạn chế sự chênh lệch thương mại giữa khu vực ASEAN và WTO.

- Hoàn thiện các qui định về các loại thuế mới được WTO thừa nhận để bảo hộ nền sản xuất trong nước.

- Thống nhất đối tượng miễn, giảm thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo hướng phù hợp với các cam kết quốc tế.

- Hoàn thiện các qui định về khiếu nại tố cáo tại Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

Thứ hai, định hướng hoàn thiện thuế thu nhập

Phương hướng chung của việc sửa đổi hệ thống thuế thu nhập là khắc phục những nhược điểm của thuế thu nhập doanh nghiệp, nghiên cứu ban hành Luật thuế thu nhập cá nhân thay cho Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao; kết hợp hài hòa giữa thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân trên cơ sở đảm bảo nguồn thu ngày càng vững chắc và chiếm ưu thế trong tổng thu ngân sách, đồng thời tạo hiệu ứng lũy tiến hợp lý để hạn chế tính lũy thoái của các loại thuế tiêu dùng.

(i) Đối với chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Xác định lại phạm vi đối tượng chịu sự điều chỉnh của thuế thu nhập doanh nghiệp để đảm bảo đúng tính chất là sắc thuế đánh vào thu nhập của doanh nghiệp và tuân thủ tính hệ thống của thuế thu nhập theo thông lệ thế giới.

- Quán triệt nguyên tắc chi phí cho sản xuất, kinh doanh để tạo ra thu nhập cho doanh nghiệp sẽ được khấu trừ; qui định chế độ khấu hao và chi phí khác như: chi phí tiền lương, tiền công; chi phí quảng cáo, tiếp thị cho phù hợp với thông lệ quốc tế và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thương mại

của WTO.

- Giảm mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp tiêu chuẩn từ 28% hiện hành xuống còn khoảng 25% như các dự án đầu tư nước ngoài trước đây để khuyến khích thu hút đầu tư trong và ngoài nước, đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế và xu hướng giảm thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ở các nước, đặc biệt ở các nước đang phát triển.

- Tiến hành rà soát lại các chế độ ưu đãi, miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng trọng tâm, trọng điểm và đảm bảo nguyên tắc tập trung các biện pháp ưu đãi khuyến khích cho các mục đích kinh tế và được áp dụng trong một thời gian nhất định. Bên cạnh đó, cần hạn chế thấp nhất việc ưu đãi, miễn giảm thuế để thực hiện các chính sách xã hội nhằm đơn giản hoá chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Bổ sung thêm qui định về chuyển giá trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp để đảm bảo phù hợp với bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, khi mà các hiện tượng chuyển giá của các công ty đa quốc gia đã trở thành một vấn đề then chốt có liên quan đến thuế ở các nước.

(ii) Đối với chính sách thuế thu nhập cá nhân:

- Về đối tượng nộp thuế:

Để đảm bảo đáp ứng yêu cầu công bằng của chính sách thuế trong điều kiện kinh tế – xã hội ở Việt Nam hiện nay, đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân cần được qui định là các cá nhân, trong đó có tính đến tình trạng hôn nhân và gia đình. Đồng thời, cần qui định các đối tượng hộ gia đình và cá nhân tự kinh doanh cũng là đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân để đảm bảo tính công bằng trong nghĩa vụ nộp thuế, tính thống nhất trong hệ thống chính sách thuế, công tác quản lý thu thuế và phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Về thu nhập chịu thuế:

Để đảm bảo phạm vi ảnh hưởng bao quát và yêu cầu công bằng, bình đẳng của chính sách thuế thu nhập cá nhân, cần qui định mọi khoản thu nhập đều đưa vào diện điều chỉnh của chính sách thuế thu nhập cá nhân, đồng thời có bước đi và giải pháp xử lý để đạt được yêu cầu về tính khả thi.

Bổ sung thêm các nguồn thu nhập mới đang và sẽ phát sinh trong cơ

chế thị trường, hội nhập (như thu nhập về đầu tư dưới dạng lãi cho vay, lãi tiền gửi, cổ tức...), thu nhập về chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng bất động sản... Đặc biệt những khoản thu nhập không gắn với hoạt động của bản thân cá nhân tự làm ra (như thừa kế, quà tặng, trúng thưởng xổ số, cá cược...) cũng rất cần phải đưa vào diện điều chỉnh để giáo dục ý thức tự lực và tinh thần yêu lao động (thời gian đầu chỉ nên thu ở diện hẹp như người đã có nhà ở mà được hưởng thừa kế đất). Một số khoản thu nhập hiện đang tạm thời chưa thu cần chuyển ngay vào diện chịu thuế như lợi tức cổ phần, lợi tức từ các hình thức góp vốn khác, lãi tiền gửi tiết kiệm.

- Về cơ sở tính thuế và các khoản khấu trừ:

Thu nhập chịu thuế được xác định là thu nhập ròng sau khi đã trừ đi các chi phí cần thiết có liên quan.

Để đảm bảo tính công bằng của chính sách thuế thu nhập cá nhân, cần qui định một hệ thống các khoản khấu trừ một cách hợp lý, phù hợp với điều kiện kinh tế – xã hội, mức thu nhập và mức sống của các tầng lớp dân cư. Đồng thời để thuế thu nhập cá nhân thực sự trở thành nguồn thu chủ yếu của NSNN trong điều kiện Việt Nam gia nhập WTO và đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế, nên hạ thấp mức chiết trừ gia cảnh để đạt mức ngưỡng chịu thuế thấp hơn so với hiện hành.

- Về thuế suất và biểu thuế: Cần xem xét loại bỏ khoảng cách giữa người Việt Nam và người nước ngoài trong biểu thuế và thuế suất. Xem xét qui định cấu trúc bậc thuế và thuế suất một cách hợp lý. Đồng thời, cần xem xét vấn đề hài hoà hoá thuế suất giữa chính sách thuế thu nhập cá nhân với các chính sách thuế khác, đặc biệt là thuế thu nhập doanh nghiệp, để đảm bảo tránh những tác động tiêu cực đến việc lựa chọn hình thức kinh doanh trên cơ sở xác định một tỷ lệ động viên ngân sách hợp lý.

Thứ ba, định hướng hoàn thiện các sắc thuế thuộc loại thuế tài sản

Việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống các sắc thuế tài sản hoàn chỉnh trong điều kiện của nước ta hiện nay cần phải được thực hiện theo một số nguyên tắc sau đây:

- Hệ thống các sắc thuế tài sản phải góp phần tạo ra được hành lang

pháp lý đủ mạnh để nhà nước thực hiện chức năng quản lý và điều hành trong lĩnh vực tài sản nói riêng và nền kinh tế nói chung.

- Mỗi sắc thuế cũng như toàn bộ các sắc thuế tài sản phải thể hiện được mối quan hệ hữu cơ, nhất quán, đồng bộ với các sắc thuế khác trong hệ thống thuế, có tác dụng bổ sung tích cực cho các chính sách thuế tiêu dùng và thuế thu nhập, góp phần động viên một bộ phận thu nhập của các tổ chức và cá nhân trong xã hội nhằm đáp ứng nhu cầu chi tiêu của Nhà nước, đồng thời góp phần tạo ra hiệu ứng lũy tiến của hệ thống thuế, đảm bảo công bằng xã hội.

- Các sắc thuế tài sản phải được xây dựng trên cơ sở kế thừa những nội dung tích cực của các sắc thuế tài sản hiện hành, tuy nhiên, cần phải đảm bảo tính đơn giản, dễ hiểu, dễ làm, khắc phục được tính phức tạp, hiệu quả thấp và bất hợp lý, bất công bằng chứa đựng trong chính sách thuế hiện hành.

- Việc xây dựng mức thuế tài sản phải đảm bảo hợp lý với mức thu nhập của các tầng lớp dân cư. Nguyên lý chung là: mức thuế đối với tầng lớp dân cư có mức thu nhập thấp và trung bình không tăng so với mức đóng góp hiện hành. Tuy nhiên, mức thuế đối với các tầng lớp có thu nhập cao, có nhiều tài sản nhà và đất... phải đảm bảo cao hơn nhằm tạo ra hiệu ứng lũy tiến đối với các loại thuế tài sản nói chung và hệ thống các sắc thuế nói chung.

(i) Thuế đăng ký tài sản:

Là loại thuế thu một lần vào giá trị của tài sản ở thời điểm làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng khi mua mới hoặc chuyển nhượng tài sản giữa các cá nhân và các tổ chức. Tùy theo yêu cầu quản lý và tình hình kinh tế xã hội trong mỗi thời kỳ, Nhà nước quy định danh mục các tài sản cần phải đăng ký sử dụng hoặc sở hữu, theo đó, tổ chức hoặc cá nhân có tài sản đăng ký sẽ phải nộp một khoản thuế nhất định tính trên giá trị tài sản được đăng ký.

(ii) Đối với thuế sử dụng đất:

Mục tiêu của việc xây dựng thuế đất thay cho thuế sử dụng đất nông nghiệp và thuế đất ở, đất xây dựng công trình hiện hành là tạo ra một chính

sách thu đồng bộ, ổn định, lâu dài; động viên nguồn thu hợp lý cho ngân sách, khuyến khích việc sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả; thực hiện việc kiểm kê, kiểm soát của nhà nước đối với quỹ đất đai, với từng đối tượng sử dụng và góp phần đặc lực vào việc ngăn chặn các hiện tượng đầu cơ, lũng đoạn thị trường.

Căn cứ tính thuế đất là diện tích thực sử dụng, giá đất tính thuế và thuế suất. Thuế suất thuế đất đai phải được xây dựng ở mức hợp lý (thường ở mức thấp) trên nguyên tắc ổn định mức động viên đối với thuế sử dụng đất nông nghiệp. Để đảm bảo tính lũy tiến về mức động viên và khuyến khích việc sử dụng đất tiết kiệm hiệu quả, có thể áp dụng hai mức thuế suất khác nhau đối với đất nông nghiệp và đất ở, đất xây dựng công trình, đất kinh doanh.

(iii) Thuế nhà

Mục tiêu chủ yếu của chính sách thuế nhà trong giai đoạn đầu là thực hiện yêu cầu kiểm kê, kiểm soát, quản lý của Nhà nước đối với quỹ nhà, trên cơ sở đó làm căn cứ để hoạch định các chính sách kinh tế vĩ mô về sử dụng nhà ở, khuyến khích sử dụng quỹ nhà tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả, góp phần thực hiện công bằng xã hội, thu hẹp khoảng cách chênh lệch về thu nhập, tài sản, đời sống của các tầng lớp dân cư.

Căn cứ tính thuế nhà là diện tích nhà sử dụng, giá tính thuế và thuế suất. Giá tính thuế nhà nên được xây dựng thấp hơn giá thị trường để đảm bảo tính ổn định và tạo tâm lý tốt cho đối tượng nộp thuế. Thuế suất thuế nhà thích hợp trong thời gian trước mắt là 0,5%. Khi mức độ tập trung hoá nhà đất ngày càng gia tăng thì có thể áp dụng biểu thuế lũy tiến từ 2 đến 3 bậc nhằm tạo ra hiệu ứng lũy tiến và thực hiện sự đóng góp công bằng dọc đối với các đối tượng nộp thuế.

(iv) Thuế tài nguyên

Giá tính thuế và thuế suất thuế tài nguyên cần phải được xem xét điều chỉnh theo hướng không gắn giá tính thuế với giá bán tài nguyên để gây hiểu lầm về bản chất của loại thuế này. Giá tính thuế tài nguyên nên được xác định theo nguyên tắc giá chuyển nhượng tài nguyên quốc gia có tính

đến điều kiện khai thác sử dụng.

Trên cơ sở khung giá tài nguyên chuyển nhượng do Nhà nước quy định và mức thuế suất hợp lý, cơ quan thuế xác định mức thu trên một đơn vị tài nguyên khai thác hoặc sử dụng làm căn cứ cho việc xác định mức thuế phải nộp của các tổ chức và cá nhân khai thác sử dụng tài nguyên.

Thứ tư, các loại thuế khác

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, cải cách thuế ở các nước trên thế giới và khu vực đang có xu hướng hội tụ, cạnh tranh và liên minh quốc tế. Trong tương lai, có thể có những loại thuế chưa từng được áp dụng sẽ được ban hành và có phạm vi áp dụng toàn cầu. Khả năng đó rất có thể trở thành hiện thực trong điều kiện kinh tế xã hội quốc tế đang có những biến đổi sâu sắc với sự trợ giúp của tiến bộ khoa học kỹ thuật vượt bậc như hiện nay. Việc nghiên cứu và ban hành một số loại thuế mới như thuế đánh vào các trao đổi điện tử dựa trên lưu lượng thông tin được trao đổi gọi là thuế BIT ở một số nước trên thế giới), thuế Tobin (nếu có) đánh vào các nghiệp vụ giao dịch hối đoái và các công cụ tài chính phái sinh như các hợp đồng tương lai, quyền bán hoặc mua (Options), hoán chuyển (Swaps) nhằm giảm thiểu mục đích đầu cơ và tăng thêm nguồn lực cho các tổ chức quốc tế và các chính phủ trong việc duy trì và ổn định hệ thống tài chính thế giới là công việc của không riêng một quốc gia nào. Tuy nhiên, để sẵn sàng tham gia vào các liên minh chính sách thuế khu vực và thế giới một cách chủ động, việc nghiên cứu nội dung và cơ chế vận hành của các loại thuế này cũng cần thiết được đặt ra trong giai đoạn tới như một bước chuẩn bị xa hơn cho việc hoàn thiện cải cách thuế, làm cho hệ thống thuế của nước ta tiến gần hơn tới các tiêu chuẩn của một hệ thống thuế hiện đại, vừa mang những đặc điểm riêng có của Việt Nam, vừa mang tính thông lệ và hài hoà quốc tế.

3.3 ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN GIẢI PHÁP

Luận án đã đưa ra 6 điều kiện cần thiết nhằm đảm bảo những định hướng hoàn thiện hệ thống thuế ở Việt nam trong điều kiện gia nhập WTO có thể đạt hiệu quả cao, đó là:

Thứ nhất, xây dựng chiến lược quốc gia về đầu tư và chuyển đổi cơ cấu và chiến lược phát triển, hội nhập tổng thể của toàn bộ nền kinh tế cũng như của mỗi Bộ, ngành

Thứ hai, hoàn thiện một cách đồng bộ các chính sách, pháp luật khác có liên quan cho phù hợp với thông lệ quốc tế

Thứ ba, đổi mới công tác tổ chức, cải cách hệ thống hành thu nhằm đảm bảo sự thành công của việc hoàn thiện hệ thống chính sách thuế trong điều kiện Việt nam gia nhập WTO

Thứ tư, hệ thống chính sách chi ngân sách nhà nước phải được cải cách theo hướng tăng cường chi tiêu cho các dịch vụ công cộng, trợ cấp người có thu nhập thấp và các đối tượng thuộc diện chính sách xã hội nhằm hậu thuẫn giải quyết những tác động tiêu cực do cải cách hệ thống thuế gây ra

Thứ năm, công tác tuyên truyền chính sách, định hướng cải cách thuế phải được tiến hành thường xuyên và có hệ thống đối với đối tượng nộp thuế và đối với toàn xã hội nhằm tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của các tầng lớp nhân dân

Thứ sáu, phải có sự ủng hộ tích cực của các cơ quan chính quyền các cấp, các ngành, các đối tượng nộp thuế là điều kiện không thể thiếu để đảm bảo cho việc hoàn thiện chính sách thuế đạt hiệu quả cao

KẾT LUẬN

Sau hơn một thập kỷ tiến hành công cuộc đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu nổi bật trong nhiều lĩnh vực kinh tế – xã hội. Trong trào lưu toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam đã tham gia nhiều tổ chức kinh tế – thương mại khu vực và quốc tế. Khi đã trở thành thành viên chính thức của WTO, Việt Nam sẽ được hưởng những ưu đãi tối huệ quốc dành cho các nước đang phát triển. Tuy nhiên áp lực cạnh tranh đối với nền kinh tế trong nước sẽ ngày càng quyết liệt đòi hỏi phải có những chính sách kinh tế ứng phó thích hợp. Trong đó thuế được coi là công cụ hữu hiệu bảo hộ có hiệu quả nền kinh tế, đồng thời thúc đẩy nền kinh tế phát triển theo hướng khai thác triệt để những lợi thế do hội nhập kinh tế mang lại.

Xuất phát từ yêu cầu bức xúc đó, tác giả đã chọn tiêu đề: “*Hoàn thiện hệ thống chính sách thuế ở Việt nam trong điều kiện gia nhập WTO*” làm đề tài nghiên cứu luận án tiến sĩ. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là nghiên cứu các nguyên tắc thương mại của WTO và những vấn đề đặt ra đối với hệ thống chính sách thuế của các nước đang phát triển. Trên cơ sở những ưu, nhược điểm của hệ thống chính sách thuế hiện hành, tham chiếu vào các nguyên tắc thương mại của WTO và kinh nghiệm cải cách thuế ở các nước đang phát triển và nước có nền kinh tế chuyển đổi trong điều kiện gia nhập WTO, kết hợp với những điều kiện cụ thể của Việt nam hiện tại cũng như tương lai, tác giả đã đề xuất một số giải pháp chính sách với mong muốn góp phần hoàn thiện cải cách thuế ở nước ta trong thời gian tới. Những đóng góp cơ bản của luận án là:

Thứ nhất, luận án đã trình bày về WTO và các nguyên tắc thương mại của WTO. Các nguyên tắc thương mại của WTO đóng vai trò quyết định trong việc duy trì hoạt động thương mại quốc tế cũng như tạo sự công bằng trong giao lưu thương mại quốc tế. Đồng thời, các nguyên tắc này là căn cứ pháp lý quan trọng để WTO giải quyết tranh chấp giữa các nước thành viên.

Thứ hai, trên cơ sở nghiên cứu các nguyên tắc thương mại của WTO, luận án đã đề cập những vấn đề chủ yếu đặt ra đối với hệ thống chính sách

thuế của các nước thành viên đang phát triển khi gia nhập WTO. Tác giả đã mạnh dạn đưa ra 6 vấn đề chủ yếu đặt ra đối với hệ thống thuế của các nước đang phát triển khi gia nhập WTO. Đó là:

- Hệ thống chính sách thuế phải đảm bảo thực hiện đúng các cam kết và thông lệ quốc tế, đồng thời vẫn đảm bảo được tính đặc thù ở từng nước;
- Hệ thống chính sách thuế phải hướng tới mục tiêu đảm bảo sự ổn định nguồn thu ngân sách;
- Hệ thống chính sách thuế phải đảm bảo sự an toàn và ổn định thị trường trong nước;
- Củng cố chính sách thuế và những thể chế trong nước để tham gia vào thương mại quốc tế về hàng hoá, dịch vụ;
- Sự vận động tự do của vốn tư bản đã đặt hệ thống thuế của các nước theo trào lưu chung ngày càng gia tăng sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế và phải có sự cạnh tranh cao;
- Chuyển giá quốc tế đã trở thành một trong những vấn đề then chốt có liên quan đến thuế mà Chính phủ các nước phải đối mặt với các công ty đa quốc gia. Đây có thể coi là đóng góp mới của luận án.

Thứ ba, luận án đã nghiên cứu những kinh nghiệm cải cách hệ thống chính sách thuế ở các nước đang phát triển và nước có nền kinh tế chuyển đổi khi gia nhập WTO. Theo quan niệm của tác giả, việc nghiên cứu kinh nghiệm cải cách hệ thống chính sách thuế ở các nước này sẽ là những tham chiếu cần thiết để đánh giá một cách khách quan những thành tựu của cải cách thuế ở nước ta trong điều kiện hội nhập và toàn cầu hoá kinh tế đang diễn ra với tốc độ ngày càng nhanh như hiện nay. Trên cơ sở những tài liệu nghiên cứu từ nhiều khối nước và khu vực trên thế giới, tác giả đã rút ra 6 bài học cơ bản trong cải cách hệ thống chính sách thuế ở các nước đang phát triển và nước có nền kinh tế chuyển đổi, đó là:

- Thực hiện cắt giảm hàng rào thuế quan
- Đề cao vai trò của các loại thuế nội địa, đặc biệt là thuế tiêu dùng để bù đắp sự suy giảm nguồn thu từ thuế xuất khẩu, nhập khẩu;
- Cải cách chính sách thuế thu nhập cho phù hợp với bối cảnh hội

nhập kinh tế quốc tế và nâng tỷ trọng nguồn thu từ thuế TNCN;

- Tính chất lũy tiến và mục tiêu tái phân phối của hệ thống thuế giảm, thay vào đó mục tiêu trung lập kinh tế và tăng nguồn thu được đặt lên hàng đầu;

- Cải cách thuế hướng vào mục tiêu thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế và đảm bảo tính hiệu quả;

- Xây dựng cơ sở pháp lý nói chung và chính sách thuế nói riêng phù hợp với qui định của WTO để bảo hộ nền sản xuất trong nước một cách hợp lý. Đây có thể coi là đóng góp thứ ba của luận án.

Thứ tư, luận án đã nghiên cứu một cách hệ thống những thành tựu và những khiếm khuyết còn tồn tại của hệ thống chính sách thuế ở Việt nam trong điều kiện gia nhập WTO. Trên cơ sở phân tích tính khoa học, hợp lý của từng sắc thuế được áp dụng ở nước ta, đối chiếu với các nguyên tắc thương mại của WTO, đồng thời tham chiếu với kinh nghiệm cải cách thuế ở các nước đang phát triển và có nền kinh tế chuyển đổi, tác giả đã rút ra nhược điểm cơ bản của hệ thống chính sách thuế hiện hành đó là: cơ cấu thu còn bất hợp lý; một số nội dung vi phạm các qui định của WTO; một số nội dung không phù hợp với WTO và không phù hợp với thông lệ quốc tế; hệ thống chính sách thuế chưa đảm bảo tính đồng bộ, tính lô gíc hệ thống cũng như tính hiệu quả.; hệ thống chính sách thuế còn phức tạp và thiếu tính ổn định. Những nhược điểm này được phân tích chi tiết đối với từng sắc thuế trong hệ thống thuế hiện hành. Đây nội dung quan trọng của bản luận án.

Thứ năm, luận án đã đưa những yêu cầu đặt ra đối với hệ thống chính sách thuế Việt nam khi gia nhập WTO. Những yêu cầu này có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với chiến lược cải cách thuế của Việt nam trong thời gian trước mắt cũng như lâu dài.

Thứ sáu, trên nền tảng của tất cả các nội dung đã đề cập, luận án đã phác thảo những định hướng chủ yếu hoàn thiện hệ thống chính sách thuế ở nước ta trong điều kiện gia nhập WTO. Các định hướng đó tập trung vào việc hoàn thiện đồng bộ hệ thống chính sách thuế cũng như hoàn thiện nội

hàm chính sách của từng loại thuế và từng sắc thuế nhằm khắc phục những nhược điểm của hệ thống chính sách thuế hiện hành, đồng thời nâng cao tính phù hợp và khả thi của chúng trong những điều kiện có thể dự đoán trước trong tương lai. Các định hướng chính được đề cập là: củng cố và hoàn thiện các sắc thuế tiêu dùng nhằm tạo ra một hệ thống thuế tiêu dùng hoàn chỉnh theo hướng cải tổ căn bản nội dung của thuế giá trị gia tăng, sửa đổi bổ sung thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, nhập khẩu để tạo cơ chế bảo hộ hợp lý nền sản xuất nội địa, hướng dẫn tiêu dùng đồng thời đảm bảo nguồn thu vững chắc cho ngân sách nhà nước trên cơ sở tôn trọng các cam kết quốc tế và khu vực về cắt giảm thuế quan; hoàn thiện và sửa đổi căn bản nội dung của các sắc thuế thu nhập, nghiên cứu ban hành thuế thu nhập cá nhân, đồng thời đảm bảo nguồn thu chiếm tỷ trọng ngày càng tăng trong tổng thu ngân sách; sắp xếp, hoàn thiện và ban hành mới các sắc thuế tài sản nhằm tạo ra một hệ thống thuế hoàn chỉnh đảm bảo động viên số thu ngày càng ổn định, trên cơ sở đó thực hiện tốt vai trò phân phối thu nhập, đảm bảo công bằng xã hội và bổ sung tích cực cho các loại thuế khác cùng thực hiện tốt mục tiêu và chức năng của toàn bộ hệ thống. Những giải pháp được đề cập trong bản luận án vừa mang tính định hướng, vừa có tính cụ thể (đối với từng sắc thuế) và là mục tiêu cốt lõi của bản luận án.

Thứ bảy, nhằm đảm bảo tính khả thi của các giải pháp hoàn thiện cải cách hệ thống chính sách thuế ở Việt nam đã được đề cập, luận án đã đưa ra các điều kiện cần thiết có tính chất tiền đề đó là: cải cách hệ thống hành thu, cải cách hệ thống chi ngân sách nhà nước, tăng cường công tác tuyên truyền chính sách và định hướng cải cách, thúc đẩy và hỗ trợ các hoạt động tư vấn thuế và tranh thủ sự ủng hộ tích cực của các cơ quan chính quyền các cấp... Đây cũng có thể coi là một nội dung đóng góp mới của bản luận án.

Với bảy nội dung cơ bản được đề cập trong bản luận án như trên, tác giả hy vọng đóng góp một phần nhỏ trong việc tìm ra các giải pháp thích hợp để hoàn thiện công cuộc cải cách hệ thống chính sách thuế hiện hành ở nước ta.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Vương Thị Thu Hiền (2004), “Thuế chống trợ cấp ở các nước thành viên WTO và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam”, *Tài chính*, (7), tr. 49, 50, 52.
2. Vương Thị Thu Hiền (2005), Hoàn thiện chính sách thuế xuất, nhập khẩu ở Việt Nam - *Tạp chí Tài chính số 3*; tr. 46, 47, 48.
3. Vương Thị Thu Hiền (2005), Hoàn thiện thuế TTĐB đáp ứng yêu cầu hội nhập - *Thuế nhà nước (9)*; tr. 17, 18, 19.
4. Vương Thị Thu Hiền (2005), “Các nguyên tắc thương mại của WTO và những vấn đề đặt ra đối với hệ thống thuế của các nước thành viên” - *Tài chính số (10)*; tr. 46, 47, 48.
5. Vương Thị Thu Hiền (2006), “Gia nhập WTO - Thuế GTGT nên hoàn thiện theo hướng nào?” *Tài chính (2)*; tr. 28, 29, 30.